

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0671016-8 - Vật lý đại cương 1
Lớp :

STC : 2(30,0,0,0,0,0) Lần thi : 1
Năm học : 2013-2014 Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Võ Trí	Thành	3671030052	10/10/1994	8,00	5,50	6,30	
2	Nguyễn Hoàng	Long	3671030105	22/12/1994	9,00	5,50	6,60	
3	Huỳnh Ngọc Thanh	Hoàng	3671030331	23/02/1994	,00	,00	,00	Nợ HPC
4	Vũ Văn	Minh	3671030390	02/10/1993	7,00	6,30	6,50	
5	Võ Văn	Vương	3671030478	15/12/1994	7,00	5,50	6,00	
6	Đoàn Minh	Khoa	3671030497	05/12/1994	7,00	3,80	4,80	
7	Lâm Đỗ Đình	Quang	3671030500	24/07/1994	8,00	4,30	5,40	
8	Nguyễn Minh	Thành	3671030538	19/10/1993	7,00	3,50	4,60	
9	Nguyễn Hoàng Đình	Kha	3671030685	10/06/1994	8,00	6,00	6,60	
10	Đỗ Hoàng	Phúc	3671030725	16/01/1993	8,00	6,30	6,80	
11	Đoàn Thanh	Tú	3671030734	16/01/1993	8,00	2,80	4,40	
12	Trần Thế	Thường	3671030792	19/03/1994	8,00	5,80	6,50	
13	Nguyễn Thái	Hòa	3671030798	17/02/1991	9,00	5,00	6,20	
14	Bùi Thanh	Sang	3671030807	14/03/1994	7,50	5,80	6,30	
15	Ngô Văn	Trung	3671030873	07/11/1994	8,00	4,50	5,60	
16	Phạm Trần Thành	Nam	3671030882	30/09/1994	8,00	4,80	5,80	
17	Nguyễn Văn	Ngoan	3671030887	17/04/1994	7,00	5,30	5,80	
18	Lê Minh	Mẫn	3671030937	20/12/1994	8,00	5,80	6,50	
19	Hồ Như	Ý	3671030947	12/10/1993	8,00	5,00	5,90	
20	Võ Dũng	Tuấn	3671030970	07/08/1994	8,00	4,00	5,20	
21	Trần Văn	Thông	3671030973	13/08/1994	7,00	5,00	5,60	
22	Nguyễn Duy	Linh	3671030976	06/06/1993	8,00	5,50	6,30	
23	Nguyễn Minh	Luân	3671030978	03/07/1994	7,00			Nợ HP
24	Phạm Văn	Nam	3671030980	01/04/1992	8,00	3,80	5,10	
25	Trần Văn	Tứ	3671030986	04/10/1992	7,50	5,50	6,10	
26	Thiều Văn	Hưng	3671031037	19/08/1991	7,00	4,50	5,30	
27	Nguyễn Văn	Dung	3671031038	28/08/1993	6,00	4,50	5,00	
28	Mai Huỳnh Hữu	Trí	3671031046	06/12/1993	,00	,00	,00	Nợ HPC
29	Đình Tuấn	Linh	3671031050	18/08/1994	7,00	4,50	5,30	
30	Nguyễn Ngọc	Tuấn	3671031052	01/11/1994	7,00	4,30	5,10	
31	Huỳnh Nhựt	Khuê	3671031185	10/11/1994	7,00	6,50	6,70	
32	Bá Quang	Đàng	3671031295	04/03/1993	6,50	6,00	6,20	
33	Bùi Văn	Quang	3671031471	06/10/1993	7,00	3,30	4,40	
34	Trần Bình	Tâm	3671031492	02/09/1993	,00	,00	,00	CT
35	Nguyễn Đăng	Hải	3671031549	12/03/1993	8,00	8,00	8,00	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Nguyễn Thành	Luân	3671031563	06/01/1994	9,00	5,30	6,40	
37	Nguyễn Ngọc	Linh	3671032019	24/10/1993	8,00	5,30	6,10	
38	Nguyễn Ngọc	Nam	3671040029	02/07/1994	,00	,00	,00	Nợ HPC
39	Đào Nguyên	Cát	3671040058	28/08/1994	8,00	7,00	7,30	
40	Trần Văn	Duẩn	3671040068	06/02/1994	7,00	5,80	6,20	
41	Lê Duy	Khang	3671040262	11/01/1994	8,00	5,30	6,10	
42	Nguyễn Tùng	Chinh	3671040372	27/12/1994	8,00	4,80	5,80	
43	Lê Thanh	Duy	3671040637	19/10/1994	7,00	5,30	5,80	
44	Đào Gia	Bảo	3671040641	26/07/1994	7,50	6,00	6,50	
45	Nguyễn Huy	Trọng	3671040757	03/03/1994	6,00	5,30	5,50	
46	Võ Văn	Mừng	3671040779	29/09/1994	,00	,00	,00	Nợ HPC
47	Bùi Duy	Khánh	3671040997	23/07/1994	7,00	4,50	5,30	
48	Lê Văn	Phú	3671041073	14/08/1994	8,00	3,50	4,90	
49	Nguyễn Thành	Trọng	3671041139	02/07/1994	8,00	5,00	5,90	
50	Trần Ngọc	Thành	3671041602	23/08/1994	8,00	6,30	6,80	
51	Lương Anh	Tiến	3671041621	02/04/1994	7,00	6,00	6,30	
52	Đàm Văn	Sơn	3671041642	01/02/1994	7,50	5,00	5,80	
53	Nguyễn Phước	Huy	3671041926	16/05/1994	6,00			
54	Âu Tấn	Lực	3671041954	26/10/1994	,00	,00	,00	Nợ HPC
55	Hoàng Cảnh	Đạo	3671050316	18/04/1992	5,50	4,80	5,00	
56	Nguyễn Văn	Lực	3671051297	08/06/1994	6,50	4,80	5,30	
57	Huỳnh Tấn	Duy	3671051618	00/00/1993	,00	,00	,00	Nợ HPC
58	Lê Danh	Hiền	3671051918	22/10/1994	,00	,00	,00	CT
59	Võ Văn	Thắng	3671051960	20/11/1993	,00	,00	,00	Nợ HPC
60	Đồng Đại	Tân	3671052017	17/07/1991	,00	,00	,00	Nợ HPC
61	Mạc Xuân	Hạnh	3672050023	27/04/1994	8,00			
62	Trịnh Văn	Tiền	3672050045	06/02/1993	7,00	4,30	5,10	
63	Phạm Tuấn	Đạt	3672050129	03/10/1994	8,00			Nợ HP
64	Nguyễn Thị	Mến	3672050146	06/02/1994	7,00	4,80	5,50	
65	Bùi Xuân	Đạt	3672050159	09/04/1994	,00	,00	,00	Nợ HPC
66	Đỗ Văn	Chung	3672050644	20/08/1994	,00	,00	,00	CT
67	Lê Vũ Anh	Duy	3672050996	30/11/1994	9,00	4,50	5,90	
68	Lê Quốc	Khải	3672051097	01/09/1994	8,00	3,00	4,50	
69	Ngô Việt	Đức	3672051098	14/11/1994	8,00	4,50	5,60	
70	Phạm Xuân	Hiệp	3672051108	10/08/1993	,00	,00	,00	Nợ HPC
71	Trần Duy	Tân	3672051150	14/01/1994	8,00	5,30	6,10	
72	Huỳnh Nguyễn Trọng	Toàn	3672051303	21/01/1994	8,00	5,50	6,30	
73	Bạch Thành	Nhân	3672051486	07/10/1993	,00	,00	,00	Nợ HPC
74	Lê Văn	Đình	3672051494	12/10/1994	8,00	5,50	6,30	
75	Võ Duy	Thanh	3672051545	18/12/1994	7,50	5,30	6,00	

Học phần : 0671016-8 - Vật lý đại cương 1
Lớp :

STC : 2(30,0,0,0,0,0) Lần thi : 1
Năm học : 2013-2014 Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
76	Đoàn Văn	Thành	3672051868	05/08/1993	6,00	4,80	5,20	
77	Trương Minh	Tâm	3672051922	09/09/1994	8,00	4,80	5,80	

Tổng số : **SV**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 01 năm 2014

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)